

Số: 3927 /QĐ-ĐHKT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ
tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thành Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy định chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế cho Quyết định số 4296/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành Quy định chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Điều 3. Trưởng ban Đào tạo, các Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc UEH, viên chức, người lao động và người học liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Bùi Quang Hùng

QUY ĐỊNH

Chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3927 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 11 tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc công nhận chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của các chương trình đào tạo (sau đây viết tắt là CTĐT) đối với các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là UEH).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, bao gồm: Đại học chính quy, Văn bằng 2 Đại học chính quy, Liên thông Đại học chính quy.

b) Sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo vừa làm vừa học (sau đây viết tắt là VLVH), bao gồm: Văn bằng 1 Đại học VLVH, Văn bằng 2 Đại học VLVH, Liên thông Đại học VLVH từ cao đẳng; Liên thông Đại học VLVH từ trung cấp.

c) Học viên trình độ thạc sĩ.

d) Nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Việc xác định và công nhận chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam; chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Quy định này.

Điều 3. Tổ chức công nhận trình độ ngoại ngữ

1. UEH sử dụng các chứng chỉ và văn bằng chứng nhận trình độ ngoại ngữ trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là KNLNNVN) để công nhận chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và xét miễn học, miễn thi, chuyển điểm các học phần ngoại ngữ.

2. Các chứng chỉ và văn bằng sau đây được UEH công nhận:

a) Tiếng Anh: TOEIC (Test of English for International Communication), TOEFL iBT (Internet-based Test), TOEFL ITP (Institutional Testing Program), IELTS (International



English Language Testing System), VEPT (Versant English Placement Test), PTE (Pearson Test of English), Cambridge Assessment English (PET, FCE, CAE, CPE), Aptis ESOL (Aptis ESOL International Certificate), PEIC (Pearson English International Certificate), LanguageCert International ESOL (LC Int. ESOL), LanguageCert Academic (LC Academic), OTE (Oxford Test of English).

b) Các ngoại ngữ khác:

- UEH sử dụng các chứng chỉ Tiếng Pháp: CIEP/Alliance française diplomas; Tiếng Đức: Goethe - Institut, The German TestDaF language certificate; Tiếng Trung Quốc: Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK); Tiếng Nhật: Japanese Language Proficiency Test (JLPT); Tiếng Nga: ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному.

c) Chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận các cấp độ tương đương với các bậc của KNLNNVN.

d) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

e) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

3. Thời hạn giá trị của các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định quốc tế và Việt Nam.

4. Các kỳ thi đánh giá trình độ ngoại ngữ do UEH tổ chức

a) Đối với trình độ đại học: UEH tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN và sử dụng kết quả kiểm tra để tuyển sinh, đánh giá chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra theo quy định của UEH.

b) Đối với trình độ thạc sĩ: UEH tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN và sử dụng tuyển sinh đầu vào theo quy định của UEH.

c) Các bài thi đánh giá trình độ ngoại ngữ được biên soạn theo đúng các yêu cầu về dạng thức và cấp độ ngôn ngữ theo KNLNNVN.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU VÀO, CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

Điều 4. Chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ

1. Đối với chương trình đại học chính quy, thí sinh phải đạt chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ như sau:

a) Đối với các CTĐT tiếng Anh bán phần: điểm trung bình môn tiếng Anh cả năm lớp 12 từ 7.0 trở lên hoặc điểm bài thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) môn tiếng Anh từ 7.0 trở lên. Trường hợp không tham gia học môn tiếng Anh trong chương trình THPT và



không tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, thí sinh phải đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào do UEH tổ chức.

b) Đối với các CTĐT tiếng Anh toàn phần, Cử nhân Tài năng ISB, Cử nhân ASIA Cop: có chứng chỉ IELTS từ 5.5 trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL iBT từ 60/(4.0) trở lên, còn hiệu lực tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển, hoặc đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào do UEH tổ chức.

c) Đối với các CTĐT tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế: có chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL iBT từ 73/(4.0) trở lên, còn hiệu lực tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển.

d) Đối với các CTĐT có yêu cầu chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ khác với các yêu cầu trên, UEH công bố chi tiết điều kiện chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ trong Thông tin tuyển sinh.

2. Đối với chương trình Văn bằng 2 Đại học chính quy, Văn bằng 2 Đại học VLVH ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh phải đạt trình độ tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN quy định tại Mục 3 Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào do UEH tổ chức.

3. Đối với các CTĐT trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy và VLVH (trừ ngành Ngôn ngữ Anh), UEH công nhận chuẩn đầu vào trình độ tiếng Anh theo văn bằng, chứng chỉ của thí sinh tại thời điểm đăng ký dự tuyển.

4. Đối với chương trình thạc sĩ giảng dạy bằng tiếng Việt, thí sinh phải đạt chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (các ngôn ngữ được chấp nhận theo Mục 2 Phụ lục của Quy định này);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do UEH cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên (xem Mục 2 Phụ lục của Quy định này) hoặc các chứng chỉ tương đương khác, các chứng chỉ này được cấp bởi các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.



d) Đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ đầu vào do UEH tổ chức.

5. Đối với chương trình thạc sĩ tiếng Anh toàn phần, thí sinh phải đạt chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do UEH cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 trở lên;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên (xem Mục 2 Phụ lục của Quy định này) hoặc các chứng chỉ tương đương khác, các chứng chỉ này được cấp bởi các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong vòng 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào do UEH tổ chức.

6. Đối với chương trình thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, thí sinh phải đạt chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ từ Bậc 5 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Bằng tốt nghiệp tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh, Văn chương Anh (tốt nghiệp chương trình nước ngoài), Văn chương Mỹ (tốt nghiệp chương trình nước ngoài), Văn hóa Anh (tốt nghiệp chương trình nước ngoài).

b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 5 trở lên (xem Mục 2 Phụ lục của Quy định này) hoặc các chứng chỉ tương đương khác, các chứng chỉ này được cấp bởi các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong vòng 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học tại cơ sở đào tạo sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy chính.

7. Đối với các CTĐT trình độ tiến sĩ, người dự tuyển phải đạt chuẩn đầu vào trình độ ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam, hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN quy định tại Mục 2 Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương

khác, các chứng chỉ này được cấp bởi các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển.

Điều 5. Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

1. Đối với chương trình đại học chính quy (trừ ngành Ngôn ngữ Anh):

a) Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh với mức điểm tối thiểu của các văn bằng, chứng chỉ được quy đổi điểm tại Mục 3 Phụ lục của Quy định này.

b) Từng CTĐT có thể quy định cụ thể mức điểm chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh, nhưng không được thấp hơn mức điểm tối thiểu tại mục a Khoản 1 Điều này.

c) Sinh viên minh chứng trình độ tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại mục a Khoản 1 Điều này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra; hoặc đáp ứng điều kiện sau

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ Anh
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh.
- Trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì Giám đốc UEH quyết định việc tổ chức kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu ra thay thế cho việc nộp các văn bằng, chứng chỉ quốc tế.

2. Đối với chương trình Văn bằng 2 Đại học chính quy, Liên thông Đại học chính quy, và hình thức đào tạo VLVH (trừ ngành Ngôn ngữ Anh) sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ với mức điểm tối thiểu theo quy đổi tại Mục 3 Phụ lục của Quy định này.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ Anh.

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh.

d) Đạt yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh đầu ra do UEH tổ chức.

3. Đối với CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy và VLVH, sinh viên phải đạt trình độ ngoại ngữ thứ hai (khác tiếng Anh) tối thiểu từ Bậc 3 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc điều kiện sau:

a) Văn bằng hoặc chứng chỉ quy định chi tiết tại Bảng 1 dưới đây hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra.



Bảng 1. Bảng điểm chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ thứ hai tối thiểu tương đương Bậc 3 theo KNLNNVN

KNLNNVN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3	TPKH-1	DELFB1; TCF	B1 ZD	HSK Bậc 3	JLPT N4	TOPIK3 (trung cấp 1)

b) Tích lũy đạt các học phần của ngoại ngữ thứ hai do UEH tổ chức giảng dạy và đánh giá.

4. Đối với chương trình thạc sĩ giảng dạy bằng tiếng Việt, học viên phải đạt trình độ ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN, ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi học viên phải cùng một ngôn ngữ, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN quy định tại Mục 2 Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài.

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

5. Đối với chương trình thạc sĩ tiếng Anh toàn phần, học viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo KNLNNVN quy định tại Mục 2 Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh.

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh.

6. Thời điểm công nhận chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ

a) Sinh viên trình độ đại học đã đăng ký xét chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ trong quá trình học và được UEH ra quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra, thì kết quả đó có giá trị cho đến khi xét tốt nghiệp tại UEH.

b) Học viên trình độ thạc sĩ phải nộp minh chứng và đạt yêu cầu chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của CTĐT trước thời điểm kết thúc thời gian đào tạo của khóa học (bao gồm thời gian đào tạo gia hạn).



7. Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của UEH có thể được thay đổi phù hợp tình hình và điều kiện thực tế dạy, học hoặc đáp ứng yêu cầu cao hơn về ngoại ngữ của chương trình đào tạo cũng như nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy định này và những quy định hiện hành khác có liên quan, các đơn vị thuộc UEH chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Nhiệm vụ của Ban Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Khoa Ngoại ngữ xây dựng, trình ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy định về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ.

b) Xây dựng kế hoạch và thông báo việc xét chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với người học thuộc các trình độ và hình thức đào tạo.

c) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét công nhận chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ theo quy định.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN.

e) Tiếp nhận đăng ký và thông báo thời gian kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ cho người học.

f) Thực hiện việc xác minh, thẩm tra tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

g) Tham mưu Ban Giám đốc công nhận chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ của người học theo quy định.

h) Theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đề xuất Ban Giám đốc xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định khi cần thiết.

2. Nhiệm vụ của Khoa Ngoại ngữ

a) Chủ trì về chuyên môn, phối hợp với Ban Đào tạo trong việc xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện Quy định về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ.

b) Phối hợp với Ban Đào tạo tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm và chất lượng chuyên môn của các kỳ kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ.

d) Chịu trách nhiệm công tác giảng dạy và đánh giá các học phần ngoại ngữ thứ hai.



3. Nhiệm vụ của Ban Tài chính - Kế hoạch đầu tư

a) Cung cấp thông tin mức thu và hình thức đóng phí đăng ký kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Ban Đào tạo đối chiếu, xác nhận danh sách người học đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính để tham gia kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ.

4. Nhiệm vụ của Trung tâm Khảo thí

a) Phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN.

c) Phối hợp với Ban Đào tạo và Khoa Ngoại ngữ tổ chức đánh giá trình độ tiếng Anh đầu vào phục vụ tuyển chọn sinh viên học các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

d) Chuẩn bị đề thi, phần mềm, hệ thống kỹ thuật và các điều kiện phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá; tiếp nhận, quản lý và bảo mật đề thi theo quy định của UEH.

5. Nhiệm vụ của Ban Bảo đảm chất lượng và Kiểm soát nội bộ

Rà soát nội dung chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của các CTĐT theo đúng Quy định này.

6. Nhiệm vụ của Viện Ngôn ngữ - Quốc tế học

a) Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngoại ngữ và tư vấn cho người học về việc học, ôn tập và thi các chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra theo quy định.

a) Phối hợp với Khoa Ngoại ngữ về chuyên môn, phối hợp với Ban Đào tạo trong việc xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện Quy định về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ.

b) Phối hợp với Ban Đào tạo, Trung tâm Khảo thí tổ chức các đợt kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ theo KNLNNVN.

c) Phối hợp với Khoa Ngoại ngữ, chịu trách nhiệm về nội dung đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm và chất lượng chuyên môn của các kỳ kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ.

d) Phối hợp với Khoa Ngoại ngữ, chịu trách nhiệm công tác giảng dạy và đánh giá các học phần ngoại ngữ thứ hai.

7. Nhiệm vụ của Ban Quản trị hạ tầng

Phối hợp với Trung tâm Khảo thí chuẩn bị đề thi, phần mềm, hệ thống kỹ thuật và các điều kiện phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá; tiếp nhận, quản lý và bảo mật đề thi theo quy định của UEH.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng đối với người học tuyển sinh từ năm 2027.

2. Đối với người học tuyển sinh trước năm 2027, tiếp tục áp dụng Quy định chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ ban hành kèm theo Quyết định số 4296/QĐ-ĐHKT-ĐT



ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028, việc áp dụng chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ sẽ được thực hiện theo Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Ban Đào tạo để tổng hợp, trình Giám đốc xem xét quyết định./.



GIÁM ĐỐC

★ **PCS.TS. Bùi Quang Hùng**

Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
		Trình độ/Thang điểm	Trình độ/Thang điểm	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	TOEFL iBT *	30 - 45 (thang 120); 3.0 - 3.5 (thang 6)	46 - 93 (thang 120); 4.0 - 4.5 (thang 6)	94 - 113 (thang 120); 5.0 - 5.5 (thang 6)
	TOEFL ITP	450 - 499	-	-
	IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5	7.0 - 8.0
	Cambridge Assessment English (bao gồm PET, FCE, CAE, CPE)	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160-179	C1 Advanced/C1 Business Higher/Linguaskill Thang điểm 180-199
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	Nghe: 490-495 Đọc: 455-495 Nói: 180-200 Viết: 180-200
	Aptis ESOL	B1	B2	C1
	VEPT (Versant English Placement Test)**	43 - 66	-	-
	PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43 - 58	59 - 75	76 - 84
	PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3	Level 4
	VSTEP**(Vietnamese Standardized Test of English Proficiency)	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
	LanguageCert ESOL	B1	B2	C1
	LanguageCert Academic	40 - 59	60 - 74	75 - 89
	OTE (Oxford Test of English)	81 - 110	111 - 140	-
	OTE Advanced	-	111 - 140	141 - 170
Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng/Chứng chỉ DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng/Chứng chỉ DELF B2 Diplôme de Langue	

Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
		Trình độ/Thang điểm	Trình độ/Thang điểm	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Đức	Goethe - Institut The German TestDaF language certificate	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	
	The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	
Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	
Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	
Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2	

(*): Chỉ chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT phiên bản thi trực tiếp tại trung tâm khảo thí được cấp phép.

(**): Chỉ chấp nhận các chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.



3. Bảng quy đổi điểm chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh theo chương trình Đại học (trừ ngành Ngôn ngữ Anh)

TT	Chương trình	KNLN NVN	TOEIC (4 skills)	TOEFL iBT (1-120)	TOEFL iBT (1-6)	IELTS	VEPT	Languagecert Academic	Languagecert International ESOL	ESOL Cambridge	PTE	PEIC	Aptis ESOL
1	Chuẩn/ Tiếng Việt	Bậc 3	L+R: 550-665 Speaking: 120-130 Writing: 120-130	55	3.0 -3.5	5.0	43-66	40	B1 Achiever	PET (145)	43	Level 2	B1
2	Tiếng Anh bán phần	Bậc 4	L+R: 670-780 Speaking: 140-150 Writing: 140	70	4.0	5.5	-	60	B2 Communicator	FCE (160)	59	Level 3	B2
3	Tiếng Anh toàn phần	Bậc 4	L+R: 785-860 Speaking: 160 Writing: 150-160	80	4.5	6.0	-	65	B2 Communicator	FCE (165)	59	Level 3	B2
4	Cử nhân Tài năng ISB; Cử nhân ASIA Co-op	Bậc 4	L+R: 790-940 Speaking: 170 Writing: 170	90	4.5	6.5	-	68	B2 Communicator	FCE (170)	68	Level	B2
5	Chương trình tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế	Bậc 4	L+R: 790-940 Speaking: 170 Writing: 170	90	4.5	6.5	-	68	B2 Communicator	FCE (170)	68	Level 3	B2

